TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2022/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 28 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 20/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Đinh Văn Nh, sinh năm 1963.

- ***Bị đơn:*** Bà Đinh Thị M, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Thôn Ch, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 29, 33, 35, 55, 57, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 12, Điều 27 Nghị Quyết số 326/216/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Ông Đinh Văn Nh và Bà Đinh Thị M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Ông Nh và bà M có 03 con chung là cháu Đinh Văn Nh sinh năm 1985; cháu Đinh Thị L, sinh năm 1988 và cháu Đinh Duy H, sinh năm 1993. Hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi trưởng thành, tự lập được cuộc sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung, công nợ chung:

2.2.1. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận đề nghị Tòa án ghi nhận như sau:

Ông Nh và bà M xác định tài sản chung gồm: 01 thửa đất tại Thôn Ch, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình, trên đó có nhà cấp 4 và công trình phụ ,cùng toàn bộ tài sản khác. Cụ thể: Quyền sử dụng đất 414.5m2 đất bao gồm 257.5 m2 đất ở, 157 m2 đất vườn tại thửa 184 tờ bản đồ số 09, bản đồ địa chính xã Gi. Giấy chứng nhận mang tên Đinh Văn Nh. 01 căn nhà cấp 4, các đồ dùng sinh hoạt khác. Tạm tính giá trị tài sản khoảng 400.000.000 đồng.

* Bà Đinh Thị M được quyền sử dụng và sở hữu: 01 căn nhà cấp 4 khoảng 50m2 sử dụng. Quyền sử dụng 257.5 m2 gồm 179,3 m2 đất ở và 78.2 m2 đất vườn, tại thửa 184 tờ bản đồ số 09, bản đồ địa chính xã Gi. Giấy chứng nhận mang tên Đinh Văn Nh có tứ cận: Phía Nam là 14m, phía Đông 16.5m, phía Tây 17.87m, phía Bắc 12.41m (Căn nhà cấp 4 nằm trên phần đất này).

*Ông Đinh Văn Nh được quyền sở hữu và sử dụng: Quyền sử dụng 157m2 bao gồm 78.2m2 đất ở và 78.8 m2 đất vườn tại thửa 184 tờ bản đồ số 09, bản đồ địa chính xã Gi. Giấy chứng nhận mang tên Đinh Văn Nh có tứ cận: Phía Đông gồm 2 đoạn: 12,96 m và 4.75 m; Phía Tây gồm hai đoạn: 16.36m và 5 m; Phía Nam là 2.6m; Phía Bắc gồm 2 đoạn 8.47 m và 6.83 m. Trên đất không có công trình kiên cố. Toàn bộ đồ dùng sinh hoạt như sau: 01 ti vi so ny, 01 âm ly, 01 đôi loa to, 01 đôi loa bé, 01 kệ gỗ, 01 tủ lạnh, 01 điều hòa, 01 xe máy RSX và 01 xe cup 82.

Bà M có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho ông Nh số tiền 50.000.000 đồng, thời điểm thanh toán 14/02/2023.

Kể từ ngày ông Nh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà M không thanh toán hết số tiền trên theo thỏa thuận thì hàng tháng bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.2.2. Về công nợ chung: Không yêu cầu.

2.3. Về Án phí :

- *Án phí thuận tình ly hôn:* Hai bên thỏa thuận mỗi bên chịu một nửa.

Ông Đinh Văn Nh phải chịu 75000 đồng án phí thuận tình ly hôn.Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Nh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ly hôn số AA/2021/0003514 ngày 11/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Hoàn lại cho Ông Đinh Văn Nh 225.000 đồng.

Bà Đinh Thị M được miễn án phí thuận tình ly hôn.

- *Án phí chia tài sản chung:* Do các đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghị nhận trong quyết định vì vậy không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã Gi
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH